

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành
Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó
với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới**

Thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới; Chương trình hành động số 31-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Kết luận số 75-KL/TW (*gọi tắt là Kết luận số 75-KL/TW, Chương trình hành động số 31-CTr/TW*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Ninh ban hành Chương trình hành động nhằm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ, hiệu quả trên địa bàn tỉnh, với các nội dung chủ yếu sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kết luận số 75-KL/TW và Chương trình hành động số 31-CTr/TW. Tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn tỉnh đối với công tác bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong tình hình mới.

Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình thực hiện và trách nhiệm của từng cấp, từng ngành; bảo đảm việc tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Bắc Ninh.

Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội. Đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế carbon thấp; nâng cao chất lượng môi trường sống của Nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển nhanh, bền vững của tỉnh.

2. Yêu cầu

Xác định bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai có vị trí quan trọng trong các quyết định phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương mình; bảo đảm các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu được lồng ghép, tích hợp theo quy định, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch.

Lấy phòng ngừa là chính; kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm; ưu tiên giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc, các điểm nóng ô nhiễm. Nâng cao chất lượng môi trường không khí, nguồn nước và cảnh quan sinh thái; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế, an sinh xã hội và bảo vệ môi trường.

Ưu tiên bố trí nguồn lực, đồng thời huy động mạnh mẽ các nguồn lực xã hội; thúc đẩy hợp tác công - tư, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

II- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và Nhân dân về vị trí, vai trò của công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên, là một trong những điều kiện tiên quyết để phát triển nhanh và bền vững.

Đưa nội dung bảo vệ môi trường, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu trở thành nội dung quan trọng trong công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, giáo dục pháp luật, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và trong hệ thống giáo dục, phù hợp với từng cấp học.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư trong giám sát, phản biện xã hội, xây dựng các phong trào, mô hình tự quản về bảo vệ môi trường. Nhân rộng các mô hình “Khu dân cư xanh”, “Làng nghề xanh”, “Doanh nghiệp xanh”, “Khu công nghiệp sinh thái”, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; tăng cường kiểm tra, giám sát

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách của tỉnh về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thúc đẩy tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển carbon thấp, phù hợp với quy định của Trung ương và yêu cầu phát triển của tỉnh.

Lồng ghép đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn vào quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; bảo đảm mọi quyết định phát triển đều hướng tới phát triển bền vững.

Nâng cao hiệu quả quản lý môi trường theo hướng hiện đại, dựa trên dữ liệu và nền tảng số; chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm trên cơ sở mức độ tuân thủ pháp luật. Xây dựng hệ thống quản lý môi trường thông minh, kết nối, chia sẻ

dữ liệu giữa các ngành, các cấp; tăng cường quan trắc tự động, giám sát trực tuyến các nguồn thải lớn.

Nâng cao chất lượng thanh tra, kiểm tra, giám sát; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường. Tập trung kiểm soát các nguồn phát thải tại các cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu đô thị và các nguồn phát thải có nguy cơ gây ô nhiễm cao; chú trọng kiểm soát chất lượng môi trường nước mặt, không khí và chất thải rắn.

3. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư công cho các công trình, dự án trọng điểm về môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; bảo đảm bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm của tỉnh cho sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh xã hội hóa; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực xử lý chất thải, tái chế, năng lượng sạch, hạ tầng môi trường, quan trắc môi trường và công nghệ xanh; khuyến khích phát triển các mô hình hợp tác công - tư.

Chủ động huy động nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, nguồn tài chính xanh, tín dụng xanh và các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai các chương trình, dự án trọng điểm của tỉnh.

Ưu tiên đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; hạ tầng thu gom, xử lý chất thải; hệ thống thoát nước, xử lý nước thải; các công trình phòng, chống thiên tai; hạ tầng phục vụ chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng và phát triển kinh tế tuần hoàn, phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn mới.

4. Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường, chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường sống

Tập trung giải quyết dứt điểm các điểm nóng ô nhiễm môi trường; xử lý hiệu quả ô nhiễm môi trường tại các lưu vực sông, kênh tiêu thoát nước, khu vực làng nghề, cụm công nghiệp. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư, nâng cấp hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề; từng bước cải thiện chất lượng nước tại các lưu vực sông, kênh, hồ bị ô nhiễm; tăng cường kiểm soát xả thải vào nguồn nước.

Tăng cường kiểm soát việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn; đẩy mạnh phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; phát triển hệ thống thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải theo mô hình kinh tế tuần hoàn. Giảm tỷ lệ chôn lấp, tăng tỷ lệ tái chế và thu hồi năng lượng; cải tạo, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Tăng cường kiểm soát bụi, khí thải từ giao thông, xây dựng, sản xuất công nghiệp và hoạt động nông nghiệp; triển khai đồng bộ các giải pháp giảm thiểu ô

niêm không khí, bảo đảm môi trường sống an toàn cho Nhân dân. Ưu tiên cải thiện chất lượng môi trường không khí tại khu vực đô thị, khu công nghiệp, làng nghề và các trục giao thông chính.

Xây dựng, nâng cấp các công trình trữ nước sử dụng cho mùa khô ở một số khu vực còn thiếu nước; đầu tư xây dựng, nâng cấp các nhà máy, hệ thống cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt của Nhân dân.

Đẩy mạnh đầu tư, lắp đặt và kết nối hệ thống quan trắc môi trường tự động; xây dựng cơ sở dữ liệu số về nguồn thải và các điểm có nguy cơ ô nhiễm cao phục vụ công tác quản lý, giám sát và cảnh báo sớm.

5. Bảo tồn thiên nhiên, phục hồi hệ sinh thái, đa dạng sinh học; quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên

Tăng cường bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là các hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái sông, hồ, vùng cây xanh đô thị và khu vực có giá trị đa dạng sinh học. Bảo vệ chặt chẽ các khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; phục hồi các hệ sinh thái, đồng thời có biện pháp quản lý hiệu quả đa dạng sinh học vùng đệm của các khu bảo tồn thiên nhiên; bảo vệ nguồn nước, cây xanh và không gian sinh thái.

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, nước và khoáng sản; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên và môi trường.

Đẩy mạnh điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường; ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, giám sát tài nguyên và bảo vệ môi trường.

6. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai và giảm nhẹ rủi ro

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, giám sát thiên tai; ưu tiên đầu tư hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao khả năng phòng, chống thiên tai; bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của Nhân dân.

Chủ động rà soát, đánh giá các khu vực có nguy cơ thiên tai; xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả theo phương châm chủ động, kịp thời, hiệu quả.

Lồng ghép yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu trong quy hoạch, phát triển hạ tầng, đô thị, nông nghiệp và các ngành kinh tế của tỉnh.

Phát triển đô thị theo hướng xanh, thông minh và có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu; lồng ghép các giải pháp giảm phát thải, tăng diện tích cây xanh, mặt nước, hạ tầng xanh trong quá trình phát triển đô thị và khu dân cư.

Chủ động ứng phó với các hiện tượng thời tiết cực đoan, mưa lớn cục bộ, úng ngập đô thị, nắng nóng kéo dài, dịch bệnh và các rủi ro mới phát sinh do biến đổi khí hậu; nâng cao khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng, khu dân cư và các ngành kinh tế trọng điểm.

7. Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế carbon thấp; kiểm soát phát thải khí nhà kính

Thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh, tuần hoàn, phát thải thấp; phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp môi trường và dịch vụ môi trường; hình thành hệ sinh thái công nghiệp xanh gắn với chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.

Khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, sử dụng tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu; phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và các giải pháp lưu trữ năng lượng phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Triển khai các giải pháp kiểm kê, quản lý và giảm phát thải khí nhà kính; từng bước hình thành thị trường carbon theo lộ trình của Trung ương; thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững.

8. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các công nghệ số trong quản trị, giám sát, cảnh báo môi trường và biến đổi khí hậu.

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý tài nguyên, môi trường và khí hậu; từng bước hình thành nền tảng quản trị môi trường thông minh.

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi xanh và phát triển bền vững.

9. Mở rộng hợp tác, liên kết vùng và hội nhập quốc tế

Tăng cường hợp tác với các bộ, ngành Trung ương, các địa phương trong vùng Thủ đô và các tổ chức quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ, huy động nguồn lực cho bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Chủ động tham gia các chương trình hợp tác quốc tế về tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững; tranh thủ tối đa các nguồn lực tài chính, khoa học và công nghệ phục vụ phát triển của tỉnh.

Đẩy mạnh ngoại giao môi trường, quảng bá hình ảnh Bắc Ninh là địa phương phát triển theo hướng xanh, hiện đại, có môi trường đầu tư bền vững và thân thiện với môi trường.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh

Lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, đề xuất hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm cụ thể hóa đầy đủ các chủ trương của Trung ương và của Tỉnh ủy về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Nâng cao chất lượng hoạt động giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh đối với việc ban hành, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tập trung giám sát các lĩnh vực, địa bàn có nguy cơ phát sinh ô nhiễm môi trường, các dự án có tác động lớn đến môi trường và việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình hành động.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

Lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Chương trình hành động; cụ thể hóa thành các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch hằng năm và trung hạn. Phân công rõ trách nhiệm, tiến độ, sản phẩm và nguồn lực thực hiện đối với từng cơ quan, đơn vị.

Chỉ đạo rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.

Chỉ đạo lồng ghép đầy đủ các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình hành động vào quy hoạch tỉnh, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, kế hoạch tài chính - ngân sách và các chương trình phát triển ngành, lĩnh vực.

Ưu tiên bố trí nguồn lực; đồng thời huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp từ doanh nghiệp, xã hội và hợp tác quốc tế để triển khai các nhiệm vụ, dự án trọng điểm về bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Chỉ đạo tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường; định kỳ đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình hành động.

3. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc tỉnh

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; xây dựng và nhân rộng các mô hình cộng đồng, khu dân cư, cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp tham gia bảo vệ môi trường, phát triển xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc học tập, quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện Chương trình hành động; thường xuyên theo dõi, định hướng công tác thông tin, tuyên truyền; kịp thời phát hiện, biểu dương các mô hình hay, cách làm hiệu quả; góp phần tạo sự đồng thuận xã hội trong quá trình triển khai thực hiện.

5. Đảng ủy các xã, phường

Lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa Chương trình hành động phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; đưa các mục tiêu, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu vào nghị quyết, chương trình công tác hằng năm.

Tập trung giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc trên địa bàn; tăng cường quản lý chất thải, bảo vệ cảnh quan và môi trường nông thôn, đô thị; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng dân cư.

Chủ động huy động các nguồn lực của địa phương; xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn, phân loại chất thải tại nguồn, khu dân cư sáng - xanh - sạch - đẹp.

Đưa kết quả thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trở thành một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu.

6. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Chương trình hành động, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện của cấp mình; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trực thuộc; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, bảo đảm việc tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

7. Chế độ thông tin, báo cáo

Giao Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Chương trình hành động; định kỳ trước ngày 30/12 hằng năm báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện; kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp khi cần thiết.

Tổ chức đánh giá giữa nhiệm kỳ vào năm 2028; tổng kết vào năm 2030 gắn với sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án số 16-ĐA/TU ngày 10/7/2026 của Tỉnh ủy về tổng thể bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (*báo cáo*);
- Ban Tuyên giáo Trung ương (*báo cáo*);
- Văn phòng Trung ương Đảng (*báo cáo*);
- Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*báo cáo*);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ



Nguyễn Thị Hương

Phụ lục 1
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Chương trình hành động số -CTr/TU ngày /8/2026
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Ninh)

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu	Cơ quan theo dõi, tổng hợp
1	Tỷ lệ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trong tổng chi ngân sách nhà nước của tỉnh hàng năm	Tối thiểu 2%	Sở Tài chính
2	Tỷ lệ các nguồn nước thải, khí thải lớn (thuộc đối tượng) được quan trắc, tự động, liên tục	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn	100%	Ban Quản lý các khu công nghiệp
4	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn	100%	Sở Công Thương
5	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường	$\geq 70\%$	Sở Xây dựng
6	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	$\geq 98,5\%$	UBND cấp xã
7	Tỷ lệ các cơ sở thuộc diện kiểm kê khí nhà kính thực hiện kiểm kê và giảm phát thải theo quy định	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Tỷ lệ che phủ rừng	30,65%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Tỷ lệ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn	70%	UBND cấp xã
10	Tỷ lệ các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được di dời đến nơi an toàn	80%	UBND cấp xã
11	Tỷ trọng kinh tế xanh trên GDP	10%	Sở Tài chính
12	Quy mô kinh tế số/GRDP	$\geq 45\%$	Sở Khoa học và Công nghệ
13	Tỷ lệ khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn tỉnh	10%	Sở Tài chính, Ban Quản lý các khu công nghiệp
14	Tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp của tỉnh	15 - 20%	Sở Công Thương
15	Mức tiết kiệm năng lượng/tổng tiêu thụ năng lượng toàn tỉnh	8 - 10%	Sở Công Thương
16	Số công trình xây dựng xanh được chứng nhận trên địa bàn tỉnh (trong đó, mỗi phường có tối thiểu 02 công trình và mỗi xã có tối thiểu 01 công trình)	200 công trình	Sở Xây dựng
17	Giảm phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường	9%	Sở Công Thương

Phụ lục 2
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, CHIẾN LƯỢC QUAN TRỌNG
GIẢI ĐOẠN 2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Chương trình hành động số 38-CTr/TU ngày 25/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Ninh)

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
I	Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới					
1.	Tuyên truyền sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng, của Tỉnh ủy về bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các sở, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Các hội nghị tuyên truyền	Ngân sách nhà nước tỉnh
2.	Xây dựng và triển khai Kế hoạch truyền thông về BVMT, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; sở, ngành, cơ quan liên quan	2026 - 2030	Kế hoạch truyền thông; chuyên mục, phóng sự	Ngân sách nhà nước và xã hội hóa
3.	Phát động và duy trì phong trào thi đua “Bắc Ninh xanh - sạch - đẹp - phát triển bền vững”, gắn với xây dựng đô thị văn minh và nông thôn mới nâng cao	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Các tổ chức chính trị - xã hội; UBND các xã, phường	Hàng năm	Phong trào thi đua; mô hình tiêu biểu	Ngân sách nhà nước và xã hội hóa
4.	Xây dựng, nhân rộng các mô hình “Khu dân cư xanh”; “Làng nghề xanh”; “Cơ quan xanh”, “trường học xanh”, Doanh nghiệp xanh” “KCN xanh”	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các khu công nghiệp; UBND xã, phường; các sở, ngành liên quan	2026 - 2030	Các mô hình được xây dựng và nhân rộng	Ngân sách nhà nước và xã hội hóa
5.	Đưa nội dung giáo dục về bảo vệ môi trường, phân loại chất thải, ứng phó	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, địa phương	2026 - 2030	Chương trình, tài liệu, hoạt	Ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	với biến đổi khí hậu vào các hoạt động giáo dục phù hợp với từng cấp học				động ngoại khóa	
II	Hoàn thiện cơ chế, chính sách; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; tăng cường kiểm tra, giám sát					
1.	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm cụ thể hóa Kết luận số 75-KL/TW và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tư pháp; các sở, ngành thuộc UBND tỉnh	2026 - 2027	Danh mục và các văn bản được ban hành	Ngân sách nhà nước tỉnh
2.	Rà soát, hoàn thiện các quy chế phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong quản lý môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành thuộc UBND tỉnh	2026 - 2027	Quy chế phối hợp liên ngành	Ngân sách nhà nước tỉnh
3.	Rà soát, cập nhật và lồng ghép đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu vào các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Các quy hoạch, kế hoạch được cập nhật	Ngân sách nhà nước
4.	Rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường, khí hậu thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ban, ngành có liên quan	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	2026 - 2030	Nghị quyết, Quyết định, tiêu chuẩn, quy chuẩn	Ngân sách nhà nước tỉnh
5.	Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh giai đoạn 2031 - 2040, tầm nhìn đến năm 2060	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các xã, phường	2029 - 2030	Kế hoạch	Ngân sách nhà nước tỉnh
6.	Xây dựng kế hoạch quản lý chất thải rắn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;	2026 - 2027	Kế hoạch	Ngân sách nhà nước tỉnh

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	2050		UBND các xã, phường			
7.	Xây dựng kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học giai đoạn 2031 - 2040, tầm nhìn đến năm 2060	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các xã, phường	2029 - 2030	Kế hoạch	Ngân sách nhà nước tỉnh
8.	Xây dựng kế hoạch tài nguyên nước đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2075	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các xã, phường	2026 - 2027	Kế hoạch	Ngân sách nhà nước tỉnh
9.	Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra chuyên đề hàng năm đối với các lĩnh vực có nguy cơ ô nhiễm cao	Thanh tra tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, cơ quan liên quan	Hàng năm	Kế hoạch và báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra	Ngân sách nhà nước
III	Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu					
1.	Xây dựng Kế hoạch huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện Chương trình hành động giai đoạn 2026 - 2030; xác định rõ danh mục các dự án ưu tiên đầu tư	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành có liên quan	2026	Kế hoạch và danh mục dự án ưu tiên	Ngân sách nhà nước
2.	Rà soát, ưu tiên bố trí vốn đầu tư công cho các công trình xử lý nước thải, chất thải rắn, cải thiện chất lượng môi trường không khí, phục hồi các khu vực ô nhiễm nghiêm trọng và hệ thống quan trắc môi trường	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành có liên quan	Hàng năm	Danh mục dự án được bố trí vốn	Ngân sách đầu tư công
3.	Xây dựng Chương trình xúc tiến đầu tư các dự án công nghiệp môi trường, công nghệ xử lý chất thải, năng lượng sạch, tái chế và sản xuất tuần hoàn trên địa bàn tỉnh	Sở Tài chính	Ban Quản lý các khu công nghiệp; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường	2027 - 2030	Chương trình xúc tiến đầu tư; danh mục dự án	Ngân sách nhà nước và nguồn lực xã hội

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
4.	Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, áp dụng sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng chất thải và phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn; hỗ trợ tiếp cận các chương trình tín dụng xanh theo quy định	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp	2026 - 2030	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp; báo cáo kết quả hằng năm	Ngân sách nhà nước và nguồn lực xã hội
5.	Xây dựng cơ chế huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội trong đầu tư, quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các cơ quan liên quan	2027 - 2028	Đề án/Phương án huy động nguồn lực xã hội	Ngân sách nhà nước tỉnh, Quỹ BVMT và nguồn lực xã hội
6.	Triển khai hiệu quả nguồn vốn quốc tế, vốn vay ODA, viện trợ không hoàn lại thực hiện trên địa bàn tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; các cơ quan có liên quan	2026 - 2030	Chương trình, dự án, nhiệm vụ	Các khoản vốn vay, viện trợ không hoàn lại
IV	Tập trung giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc; chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường sống					
1.	Hoàn thiện xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026 - 2030	Kế hoạch; báo cáo kết quả thực hiện	Ngân sách nhà nước
2.	Hoàn thiện xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026 - 2030	Kế hoạch; báo cáo kết quả thực hiện	Ngân sách nhà nước
3.	Thực hiện các dự án thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung; nâng tỷ lệ nước thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026 - 2030	Các dự án đầu tư hoàn thành theo kế hoạch	Đầu tư công và xã hội hóa

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
4.	Xây dựng Kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường các bãi rác cũ, khu vực khai thác khoáng sản đã kết thúc khai thác và các khu vực bị suy thoái môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường; cơ quan, tổ chức có liên quan	2027 - 2030	Kế hoạch và các dự án phục hồi môi trường	Ngân sách và nguồn vốn hợp pháp khác
5.	Xây dựng hệ thống quản lý, giám sát môi trường theo thời gian thực; kết nối dữ liệu quan trắc tự động của các cơ sở phát thải và các trạm quan trắc môi trường của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan	2026 - 2030	Hệ thống giám sát tập trung	Ngân sách nhà nước về chuyển đổi số
6.	Thực hiện Chương trình giảm phát sinh chất thải nhựa; thúc đẩy phân loại tại nguồn, tái sử dụng, tái chế; giảm sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần trong cơ quan nhà nước, trường học, cơ sở y tế và các khu, điểm du lịch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường	2026 - 2030	Chương trình và báo cáo kết quả hằng năm	Ngân sách nhà nước và xã hội hóa
7.	Xây dựng cơ chế giám sát cộng đồng đối với công tác bảo vệ môi trường; thiết lập kênh tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân về ô nhiễm môi trường; công khai kết quả xử lý trên nền tảng số của tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; Công an tỉnh; UBND các xã, phường	2027 - 2030	Quy chế vận hành; hệ thống tiếp nhận phản ánh; báo cáo định kỳ	Ngân sách nhà nước
V	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học					
1.	Điều tra, kiểm kê, đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học; xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học của tỉnh; triển khai các giải pháp bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên, vùng sinh thái đặc thù và	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và địa phương liên quan	2027 - 2029	Báo cáo kiểm kê; cơ sở dữ liệu; kế hoạch bảo tồn	Ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	các loài nguy cấp, quý, hiếm theo quy định					
2.	Triển khai các chương trình phục hồi hệ sinh thái tự nhiên, cải tạo cảnh quan, phát triển cây xanh, mặt nước và các vùng sinh thái; nâng cao chất lượng môi trường sống và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường	2027 - 2030	Chương trình, dự án phục hồi hệ sinh thái	Ngân sách nhà nước
3.	Thực hiện các chương trình tuyên truyền, vận động cộng đồng tham gia bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và phục hồi cảnh quan	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội; UBND các xã, phường	Hàng năm	Chương trình tuyên truyền; các mô hình cộng đồng	Ngân sách nhà nước và xã hội hóa
4.	Xây dựng Chương trình phục hồi các hồ, ao, kênh mương; kết hợp cải tạo cảnh quan, phát triển du lịch sinh thái và nâng cao chất lượng môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường	2027 - 2030	Chương trình, dự án thành phần	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
VI	Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai và giảm nhẹ rủi ro thiên tai					
1.	Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch hành động của tỉnh về thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2026 - 2030; lồng ghép các mục tiêu thích ứng vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (cập nhật)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2029 - 2030	Kế hoạch	Ngân sách nhà nước
2.	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026 - 2027	Hệ thống bản đồ	Ngân sách nhà nước
3.	Triển khai phòng, chống sạt lở, lũ ống, lũ quét	Sở Nông nghiệp và Môi trường;	Các sở, ngành liên quan	Thường xuyên	Chương trình/dự án	Ngân sách nhà nước và các

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
		UBND các xã, phường				nguồn lực khác
4.	Xây dựng và triển khai phương án di dời dân cư khỏi khu vực có nguy cơ, rủi ro thiên tai cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Các sở, ngành liên quan	Thường xuyên	Phương án	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
5.	Xây dựng kế hoạch triển khai Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2031 - 2040, tầm nhìn đến năm 2060	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2029 - 2030	Kế hoạch	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
6.	Chủ động ứng phó, khắc phục sự cố môi trường, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn; khắc phục hậu quả thiên tai	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Các hoạt động ứng phó, khắc phục	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
VII	Thúc đẩy chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, carbon thấp, tăng cường quản lý phát thải khí nhà kính					
1.	Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tuần hoàn trên địa bàn tỉnh; lựa chọn một số ngành, lĩnh vực, khu, cụm công nghiệp và làng nghề để triển khai thí điểm mô hình kinh tế tuần hoàn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương; Ban Quản lý các khu công nghiệp	2027	Kế hoạch và các mô hình thí điểm	Ngân sách nhà nước và xã hội hóa
2.	Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả năng lượng, nguyên liệu, nước; giảm phát sinh chất thải và phát thải khí nhà kính	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các khu công nghiệp	2026 - 2030	Chương trình hỗ trợ; báo cáo kết quả hằng năm	
3.	Thúc đẩy sử dụng năng lượng mặt trời tiết kiệm, hiệu quả; hỗ trợ triển khai điện mặt trời mái nhà phục vụ tự sản,	Sở Công Thương	Các Sở, ngành; Công ty điện lực Bắc Ninh	2026 - 2030	Chương trình triển khai; báo cáo kết	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	tự tiêu và các giải pháp lưu trữ năng lượng theo quy định của pháp luật				quả	hội
4.	Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp mới nổi	Sở Tài chính	Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ	2026	Chương trình, kế hoạch	Ngân sách nhà nước
5.	Phát triển thị trường tái chế, thúc đẩy phân loại tại nguồn gắn với thu hồi tài nguyên; hỗ trợ hình thành chuỗi liên kết tái chế và sử dụng nguyên liệu thứ cấp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026 - 2030	Chương trình và các mô hình liên kết	Ngân sách nhà nước và xã hội hóa
6.	Xây dựng, triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình hành động chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải trong lĩnh vực giao thông vận tải	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026 - 2030	Kế hoạch, các đề án/ nhiệm vụ	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
VII I	Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao					
1.	Cập nhật, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	Cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
2.	Cập nhật cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh liên thông với cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	Cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh	Ngân sách nhà nước
IX	Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế					
1.	Đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao	Sở Nông nghiệp và	Các sở, ngành liên	Thường	Các diễn văn,	Ngân sách nhà

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	môi trường, ngoại giao khí hậu, tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh các nội dung bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trong các diễn đàn, hợp tác đối ngoại của tỉnh	Môi trường, Văn phòng UBND tỉnh	quan; UBND các xã, phường	xuyên	văn kiện, tuyên bố, hoạt động	nước
2.	Tham mưu đề xuất các sáng kiến, thỏa thuận và cơ chế hợp tác khu vực về môi trường và khí hậu	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Các sáng kiến, văn kiện	Ngân sách nhà nước